

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2012  
đã được soát xét

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	05 - 11

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2012.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC là công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép số 97/UBCK-GP ngày 04 tháng 09 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau

- Quyết định số 29/UBCK-GCN ngày 04 tháng 09 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước về việc lưu ký chứng khoán cho tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và được tham gia về hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán tại trung tâm lưu ký chứng khoán
- Giấy chứng nhận số 98/GCNTVLK ngày 25 tháng 09 năm 2008 của Giám đốc trung tâm lưu ký chứng khoán về việc chứng nhận Công ty là thành viên lưu ký chứng khoán.
- Quyết định số 1047/QĐ-UBCK ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận lập chi nhánh công ty chứng khoán.
- Quyết định số 955/QĐ-UBCK ngày 13 tháng 12 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận đóng cửa Chi nhánh công ty chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán và đầu tư chứng khoán

Vốn điều lệ: 53.000.000.000 VNĐ

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 6, 18A Đinh Tiên Hoàng, P.Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Các sự kiện sau ngày 30 tháng 06 năm 2012**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo này đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

### **Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Huỳnh Thị Bích Ngân	Chủ tịch
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Quang Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Trang	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Cúc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lý Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Lê Xuân Vinh	Thành viên
Bà Hồ Lệ Hoài Mai	Thành viên

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2012 cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Thực hiện các phán đoán và ước tính một cách thận trọng khi tính các chỉ tiêu của Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính;
- Lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập tuân thủ Thông tư số 226/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài Chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

  
Huỳnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Tp.HCM, Ngày 30 tháng 08 năm 2012



Số : 276/BCSX/TC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2012**  
**của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập theo quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần chứng khoán SJC và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Hiện tại Công ty đang sở hữu 100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư vàng Việt Nam có trị giá ghi sổ là 1.000.000.000 đồng (Cổ phiếu chưa niêm yết). Tại ngày 30/06/2012 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá với cổ phiếu này do không có cơ sở xác định giá trị thị trường

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình an toàn tài chính của Công ty Cổ phần chứng khoán SJC tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**



**Nguyễn Minh Tiến**  
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

**Kiểm toán viên**

**Lê Hồng Đào**  
Chứng chỉ KTV số: 1732/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2012

Công ty CP Chứng Khoán SJC  
Số Công văn:  
(V/v báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 30 tháng 08 năm 2012.

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2012

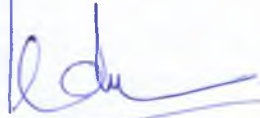
Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng



Trần Khánh Dư

Trưởng bộ phận  
Kiểm soát nội bộ



Tạ Thị Thảo Huỳnh



Huỳnh Anh Tuấn

## I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VNĐ

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng			
		VKD			
A	Nguồn vốn	(1)		(2)	(3)
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có).	53.000.000.000			
2	Thặng dư vốn cổ phần.		-		
3	Cổ phiếu quỹ.		-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.		-		
5	Quỹ đầu tư phát triển.		-		
6	Quỹ dự phòng tài chính.		-		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.		-		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật.	(3.959.179.424)			
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi).		-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái.		-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số.		-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi.		-		
13	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính.		-		
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>				<b>49.040.820.576</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>				
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền.</b>				
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.</b>			-	
1	Đầu tư ngắn hạn. Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8. Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản.5 Điều 5.				
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*).				
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn.</b>			<b>7.379.106.193</b>	
1	Phải thu của khách hàng Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống. Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày.			-	
2	Trả trước cho người bán.			7.074.232.516	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn. Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống. Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày.			-	
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán.			-	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**  
 Lầu 6, Đinh Tiên Hoàng, P.Đakao, Q1, Tp.Hồ Chí Minh

**Bảng tính vốn khả dụng (tiếp theo)**

	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống.		-	
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày.		-	
5	Các khoản phải thu khác.			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống.		-	
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày.		304.873.677	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*).			
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho.</b>			
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác.</b>		<b>1.224.329.846</b>	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn.		284.628.876	
2	Thuế GTGT được khấu trừ.			
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.			
4	Tài sản ngắn hạn khác.			
4,1	Tạm ứng.			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống.			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày.		748.520.970	
4,2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác.		191.180.000	
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>		<b>8.603.436.039</b>	
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn.</b>			
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn.</b>		<b>2.000.000</b>	
1	Phải thu dài hạn của khách hàng.			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống.			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày.		-	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc.			
3	Phải thu dài hạn nội bộ.			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống.			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày.		2.000.000	
4	Phải thu dài hạn khác.			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống.			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày.		-	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*).			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định.</b>		<b>3.413.272.128</b>	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư.</b>		-	
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn.</b>		-	
1	Đầu tư vào công ty con.		-	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh.		-	



**Bảng tính vốn khả dụng (tiếp theo)**

3	Đầu tư chứng khoán dài hạn.			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8.			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5.		-	
4	Đầu tư dài hạn khác.		-	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*).			
V	<b>Tài sản dài hạn khác.</b>		<b>1.723.036.230</b>	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5.		-	
1C	<b>Tổng</b>		<b>5.138.308.358</b>	
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C</b>				<b>35.299.076.179</b>

## II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Tại ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VNĐ

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>				
1	Tiền mặt (VNĐ)	0%	8.921.770.051	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%		-
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%		-
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>				
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi.	0%		-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định.			-
5,1	Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AIDB, EIB và EBRD.	3%		-
5,2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 2 năm;	4%		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%		-
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	8%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	20%		-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	25%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	40%		-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**

Lầu 6, Đinh Tiên Hoàng, P.Đakao, Q1, Tp.Hồ Chí Minh

**Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)**

**IV. Cổ phiếu**

8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở.	10%		-
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.	15%		-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom.	20%		-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các Công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO).	30%		-
12	Cổ phiếu của các Công ty đại chúng khác.	50%		-

**V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán.**

13	Quỹ đại chúng.	10%		-
14	Quỹ thành viên.	30%		-

**VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch.**

15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch.	40%		-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch.	50%		-

**VII. Chứng khoán khác.**

17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác.	80%	1.000.000.000	800.000.000
----	---	-----	---------------	-------------

**VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có).**

	Mã chứng khoán.	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	.....			-
2	.....			-

**A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)**

**800.000.000**

**B. RỦI RO THANH TOÁN**

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán.</b>							<b>24.304.848</b>
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm.						-
2	Cho vay chứng khoán.						-
3	Vay chứng khoán.						-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại.						-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại.						-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**

Lầu 6, Đinh Tiên Hoàng, P.Đakao, Q1, Tp.Hồ Chí Minh

**Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)**

6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất.					24.304.848	24.304.848
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>							<b>6.211.636.107</b>
	<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Hệ số rủi ro</b>		<b>Quy mô rủi ro</b>		<b>Giá trị rủi ro</b>	
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán.	16%		81.327.229		13.012.357	
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán.	32%		13.172.300		4.215.136	
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán.	48%		-		-	
4	Từ 60 ngày trở đi.	100%		6.194.408.614		6.194.408.614	
<b>III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>							<b>-</b>
	<b>Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác.</b>	<b>Mức tăng thêm</b>		<b>Quy mô rủi ro</b>		<b>Giá trị rủi ro</b>	
1	.....						
<b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B = I+II+III).</b>							<b>6.235.940.955</b>
<b>C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG).</b>							
I.	<b>Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng.</b>						<b>16.274.586.851</b>
II.	<b>Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí.</b>						<b>6.604.234.520</b>
	1. Chi phí khấu hao.						2.277.955.996
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.						-
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn.						-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi.						4.326.278.524
III.	<b>Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II).</b>						<b>9.670.352.331</b>
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25%III).						2.417.588.083
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán.						7.000.000.000
<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C = Max {IV, V})</b>							<b>7.000.000.000</b>
<b>D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)</b>							<b>14.035.940.955</b>

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	800.000.000	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	6.235.940.955	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4 = 1+2+3)	14.035.940.955	
5	Vốn khả dụng	35.299.076.179	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6 = 5/4)	251%	